

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

## MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 23



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012.

Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010 (được chuyển từ Công ty Quản lý công trình Cầu - Phà Thành Phố cấp ngày 05/01/2006)

**Vốn điều lệ** 44.713.000.000 đồng

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 08 38 533 244  
Fax: +84 08 38 533 244  
Mã số thuế: 0301986393

### **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính**

<b>Hội đồng thành viên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
- Ông : Lê Hữu Châu	Chủ tịch	23/08/2010
- Ông : Nguyễn Đức Chính	Thành viên	23/08/2010
- Ông : Trần Minh Thành	Thành viên	23/08/2010

### **Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:**

- Ông : Nguyễn Đức Chính	Giám đốc
- Ông : Phạm Ngọc Thành	Phó Giám đốc
- Ông : Vũ Tiến Đạt	Phó Giám đốc
- Ông : Trần Minh Trung	Phó Giám đốc
- Bà : Lê Nga Phương	Kế Toán Trưởng

### **Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố theo phân cấp quản lý. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà;
- Quản lý các dự án đầu tư công trình sửa chữa lớn cầu và phà được UBND TP giao theo kế hoạch;
- Hoạt động kinh doanh khác.

### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Lĩnh vực bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường, phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc Doanh nghiệp, đến kết quả hoạt động của Doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính 2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Doanh nghiệp cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 16 tháng 03 năm 2013

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**NGUYỄN ĐỨC CHÍNH**

Giám đốc

Số 028/2013/BCKT-TBD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012  
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Kính gửi:** Ban Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 16/03/2013 của Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám Đốc và Kiểm Toán Viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã tạo ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Do được bổ nhiệm kiểm toán viên sau ngày 31/12/2012 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến việc kiểm kê tiền mặt tại quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2012. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận nợ phải thu. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các khoản mục đã nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**NGUYỄN TUYÊN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Giám đốc

Địa chỉ: 11/10 Nguyễn Văn Linh, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

NGUYỄN NGỌC TUYÊN

Kiểm toán viên Việt Nam

Địa chỉ: 11/10 Nguyễn Văn Linh, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>239.274.458.400</b>	<b>204.821.069.967</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		81.718.712.835	76.635.037.274
Tiền	111	V.01	20.718.712.835	25.635.037.274
Các khoản tương đương tiền	112		61.000.000.000	51.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		42.572.188.824	45.670.008.811
Phải thu của khách hàng	131	V.02	25.704.995.999	19.126.717.226
Trả trước cho người bán	132	V.03	10.666.539.141	22.581.867.114
Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.445.496.149	4.001.766.936
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.05	(244.842.465)	(40.342.465)
Hàng tồn kho	140		4.373.368.843	3.402.298.585
Hàng tồn kho	141	V.06	4.373.368.843	3.402.298.585
Tài sản ngắn hạn khác	150		110.610.187.898	79.113.725.297
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	2.377.896.048	1.008.401.938
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.08	100.047.815	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	108.132.244.035	78.105.323.359
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.322.929.520</b>	<b>68.026.992.312</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		71.322.929.520	68.026.992.312
TSCĐ hữu hình	221	V.10	70.820.609.520	67.782.854.130
Nguyên giá	222		116.392.846.188	108.146.751.649
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.572.236.668)	(40.363.897.519)
TSCĐ vô hình	227	V.11	40.000.000	-
Nguyên giá	228		40.000.000	37.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(37.600.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	462.320.000	244.138.182
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>310.597.387.920</b>	<b>272.848.062.279</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

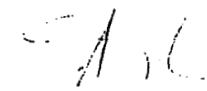
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

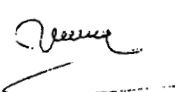
Đơn vị tính: VND



NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>200.009.038.266</b>	<b>168.581.957.627</b>
Nợ ngắn hạn	310		200.009.038.266	166.968.980.935
Phải trả cho người bán	312	V.13	12.973.972.924	17.209.708.109
Người mua trả tiền trước	313	V.14	76.128.574.478	62.986.000.486
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	7.886.608.735	5.972.687.400
Phải trả công nhân viên	315	V.16	51.605.642.610	27.802.318.931
Chi phí phải trả	316	V.17	-	90.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.18	40.972.479.930	31.260.823.920
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	10.441.759.589	21.647.442.089
Nợ dài hạn	330		-	1.612.976.692
Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	930.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	-	682.976.692
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.588.349.654</b>	<b>104.266.104.652</b>
Vốn chủ sở hữu	410	V.22	114.844.789.773	94.653.460.850
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		86.280.525.381	84.557.048.915
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.952.572.811	8.952.572.811
Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.611.691.581	1.143.839.124
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.23	(4.256.440.119)	9.612.643.802
Nguồn kinh phí	432		(4.256.440.119)	9.612.643.802
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>310.597.387.920</b>	<b>272.848.062.279</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 16 tháng 03 năm 2013

  
TRẦN THỊ KIM OANH  
Người lập biểu

  
LÊ NGÀ PHƯƠNG  
Kế toán trưởng

  
  
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH  
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

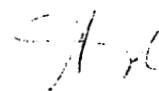
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

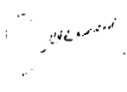
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	337.135.774.372	243.960.542.963
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		337.135.774.372	243.960.542.963
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	282.668.105.062	202.678.716.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.467.669.310	41.281.826.033
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	8.080.899.330	7.409.820.965
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	65.978.334	281.720.000
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		65.978.334	281.720.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.28	38.447.475.286	26.705.045.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.035.115.020	21.704.881.255
11. Thu nhập khác	31	VI.29	2.154.961.601	758.069.807
12. Chi phí khác	32	VI.30	42.273.345	261.420.756
13. Lợi nhuận khác	40		2.112.688.256	496.649.051
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.147.803.276	22.201.530.306
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		6.536.950.819	5.550.382.577
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.610.852.457	16.651.147.729
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-


Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 16 tháng 03 năm 2013

  
TRẦN THỊ KIM OANH  
Người lập biểu

  
LÊ NGA PHƯƠNG  
Kế toán trưởng



  
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH  
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2013

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		371.730.721.530	215.565.576.339
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(68.055.689.456)	(91.266.990.350)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(109.529.464.331)	(82.986.581.621)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(65.978.334)	(281.720.000)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(6.320.250.000)	(5.986.175.836)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		260.491.227.063	1.635.461.541
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(431.348.187.334)	(27.077.352.533)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.902.379.138</b>	<b>9.602.217.540</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.888.703.577)	(7.390.168.539)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.888.703.577)</b>	<b>(7.390.168.539)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(930.000.000,0)	(1.320.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(930.000.000)</b>	<b>(1.320.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.083.675.561</b>	<b>892.049.001</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>76.635.037.274</b>	<b>75.742.988.273</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>81.718.712.835</b>	<b>76.635.037.274</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TRẦN THỊ KIM OANH  
Người lập biểu

LÊ NGÀ PHƯƠNG  
Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỨC CHÍNH  
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010 (được chuyển từ Công ty Quản lý công trình Cầu - Phà Thành Phố cấp ngày 05/01/2006)

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH 1 TV 100% vốn Nhà nước địa phương

- Vốn điều lệ đăng ký: 44.713.000.000 VND

Công ty có trụ sở đặt tại: 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty có các đơn vị trực thuộc bao gồm:

- Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 1
- Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 2
- Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 3
- Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 4
- Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 5
- Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 6
- Xí Nghiệp Công Trình Giao Thông 7
- Xí Nghiệp Phà Cát Lái Thủ Thiêm

#### 2. Ngành nghề kinh doanh:

-Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố theo phân cấp quản lý. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà;

- Quản lý các dự án đầu tư công trình sửa chữa lớn cầu và phà được UBND TP giao theo kế hoạch;

- Hoạt động kinh doanh khác.

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán  
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.  
Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư được xác định theo giá mua thực tế. Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường;

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Dự phòng giảm giá của cổ phiếu niêm yết được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá mua cổ phiếu với giá trị thị trường tại thời điểm cuối kỳ.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

**d. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được;

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:**

Bình quân gia quyền

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Kê khai thường xuyên

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng;

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**

**a. TSCĐ hữu hình:**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ;

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**b. TSCĐ vô hình:**

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính.

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh;

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

#### 8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

#### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

*b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*c. Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

*d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:*

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	30.746.010	27.197.523
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	30.746.010	27.197.523
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	20.687.966.825	25.607.839.751
- NH Đầu Tư & PT VN	14.792.180.599	17.134.914.334
- NH Nông nghiệp & PT NT-CN Đông Sài Gòn (CL)	3.681.414.076	4.691.874.290
- NH Nông nghiệp & PT NT-CN Đông Sài Gòn (TT)	-	1.150.316.836
- NH Nông nghiệp & PT NT- Quận 10	15.907.222	658.470.553
- NH Nông nghiệp & PT NT- CN-Hiệp Phước	538.898.250	270.215.450
- NH Đầu Tư & PT Việt Nam (Vốn chuyển dụng)	1.344.542.098	832.510.708
- NH Đầu Tư & PT Việt Nam (Sửa chữa lớn)	19.039.000	19.039.000
- Tài khoản kho bạc	295.985.580	850.498.580
Các khoản tương đương tiền	61.000.000.000	51.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.718.712.835</b>	<b>76.635.037.274</b>
<b>2. Phải thu khách hàng</b>		
- Bộ phận duy tu cầu (*)	18.619.243.690	13.152.539.220
- Bộ phận công trình B (**)	6.114.749.168	5.229.815.356
- Bộ phận đầu tư (***)	971.003.141	744.362.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.704.995.999</b>	<b>19.126.717.226</b>
<b>(*) - Bộ phận duy tu chi tiết bao gồm:</b>	<b>18.619.243.690</b>	<b>13.152.539.220</b>
Khu quản lý GTĐT số 01	2.428.206.696	4.482.068.696
Khu quản lý GTĐT số 02	4.953.576.996	73.510.524
Khu quản lý GTĐT số 03	1.260.181.000	52.344.000
Khu quản lý GTĐT số 04	9.977.278.998	8.544.616.000
<b>(**) - Bộ phận công trình B chi tiết bao gồm:</b>	<b>6.114.749.168</b>	<b>5.229.815.356</b>
Công ty Điện Thoại Tây TP	49.983.135	4.665.525
Công ty Điện Thoại Đông TP	1.673.780.765	308.310.348
BQL DA Xây Dựng Bưu Điện	67.034.057	165.028.391
Khu Quản Lý GT Đô Thị Số 1	101.227.000	56.692.000
CN Tổng Cty Sông Đà	150.000.000	150.000.000
Cty XD Cấp Thoát Nước	237.343.400	237.343.400
Khu Đường Sông	1.855.772.528	1.036.536.528
Các khách hàng khác	1.979.608.283	3.271.239.164
<b>(***) - Bộ phận đầu tư</b>	<b>971.003.141</b>	<b>744.362.650</b>
Ban QLDA Khu vực Q9	34.624.352	8.895.150
Khu 3	109.275.000	298.225.000
Các khách hàng khác	827.103.789	437.242.500

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012.

	Cuối năm	Đầu năm
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		
- Bộ phận kho (*)	-	150.818.000
- Bộ phận phà đò (**)	275.500.000	1.866.272.800
- Bộ phận đầu tư (***)	6.793.496.596	20.336.076.314
- Bộ phận văn phòng	3.597.542.545	228.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.666.539.141</b>	<b>22.581.867.114</b>
<b>(*) - Bộ phận kho chi tiết bao gồm:</b>		
Các khách hàng khác	-	150.818.000
<b>(**) - Bộ phận phà đò chi tiết bao gồm:</b>		
Công ty TNHH XD TM CN Hàng Hải Tây Nam	275.500.000	1.866.272.800
Công ty QL CT Cầu Phà TP	170.000.000	-
Trung tâm QL phà và Bến xe Bến Tre	-	6.282.950
Công ty TNHH MTV Đóng tàu 76	-	698.824.000
Công ty TNHH Thời trang Công sở Mỹ Thành	90.000.000	450.000.000
TT Nghiên cứu KH & PT CN GT Vận Tải	15.500.000	-
Các khách hàng khác	-	711.165.850
<b>(***) - Bộ phận đầu tư chi tiết bao gồm</b>	<b>6.793.496.596</b>	<b>20.336.076.314</b>
Công ty CT Giao Thông 68	3.370.000.000	3.360.000.000
Công ty CT Đường Thủy	1.365.246.000	1.676.576.000
Dự án Cầu Kênh C	-	1.215.208.475
Dự án Cầu Cái Trung	8.519.000	1.287.926.000
Dự án Cầu Chợ Cầu	54.420.083	1.602.893.083
DA nâng cấp Bến phà Thủ Thiêm	41.589.707	6.789.061.352
Công trình Cầu Hà Thanh	127.860.000	327.568.000
Dự án Cầu Rạch Lá	356.603.000	479.359.000
Dự án Cầu An Nghĩa	125.149.000	2.769.048.000
Các khách hàng khác	1.344.109.806	828.436.404
<b>****) - Bộ phận văn phòng</b>	<b>3.597.542.545</b>	<b>228.700.000</b>
Công ty TNHH Máy Xây Dựng Vi Trác	3.520.000.000	-
Các Công ty khác	77.542.545	228.700.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

	Cuối năm	Đầu năm
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>		
- Bảo hiểm xã hội	105.311.535	68.802.684
- Bảo hiểm y tế	22.566.759	18.190.823
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.044.505	11.467.114
- Thuế TNCN	554.335.878	-
- Thu khác công trình B (*)	5.748.237.472	3.903.306.315
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.445.496.149</b>	<b>4.001.766.936</b>
<b>(*) - Thu khác công trình B bao gồm:</b>	<b>5.748.237.472</b>	<b>3.903.306.315</b>
<i>Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	-	143.842.840
<i>Khu quản lý GTĐT Số 1</i>	1.523.104.600	1.216.500.000
<i>Khu quản lý GTĐT Số 2</i>	1.852.000.000	1.373.500.000
<i>Khu quản lý GTĐT Số 3</i>	642.000.000	-
<i>Khu quản lý GTĐT Số 4</i>	1.248.079.000	-
<i>Ban quản lý DA Quận 8</i>	-	29.000.000
<i>Ủy Ban Nhân dân Quận 3</i>	20.000.000	20.000.000
<i>Điện Lực Tân Thuận</i>	-	30.000.000
<i>Các khách hàng khác</i>	463.053.872	1.090.463.475
<b>5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Dự phòng khoản phải thu khó đòi	(244.842.465)	(40.342.465)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(244.842.465)</b>	<b>(40.342.465)</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	3.825.538.396	2.698.965.642
Công cụ, dụng cụ	547.830.447	703.332.943
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>4.373.368.843</b>	<b>3.402.298.585</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>4.373.368.843</b>	<b>3.402.298.585</b>
<b>7. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số dư đầu năm	1.008.401.938	-
- Phát sinh trong năm	2.398.518.000	-
- Kết chuyển chi phí	1.029.023.890	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.377.896.048</b>	<b>1.008.401.938</b>
- Là khoản chi phí trích trước mua vé phà		
<b>8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Thuế TNCN	100.047.815	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.047.815</b>	<b>-</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

	Cuối năm	Đầu năm		
<b>9. Tài sản ngắn hạn khác</b>				
- Tạm ứng bộ phận kho + nhân viên (*)	40.560.000	8.000.000		
- Tạm ứng bộ phận công trình duy tu (**)	-	1.490.182.838		
- Tạm ứng bộ phận công trình B (***)	108.015.666.475	76.531.122.961		
- Tạm ứng bộ phận đầu tư + tư vấn	76.017.560	76.017.560		
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.132.244.035</b>	<b>78.105.323.359</b>		
<b>(*) - Tạm ứng bộ phận kho + nhân viên bao gồm:</b>	<b>40.560.000</b>	<b>8.000.000</b>		
Tạm ứng nhân viên Phòng TCHC	-	-		
Các cá nhân khác	40.560.000	8.000.000		
<b>(**) - Tạm ứng bộ phận công trình duy tu bao gồm:</b>	<b>-</b>	<b>1.490.182.838</b>		
Xí nghiệp CTGT 1	-	415.000.000		
Xí nghiệp CTGT 2	-	757.250.000		
Xí nghiệp CTGT 4	-	46.000.000		
Xí Nghiệp CTGT 7	-	271.932.838		
<b>(***) - Tạm ứng bộ phận công trình B bao gồm:</b>	<b>108.015.666.475</b>	<b>76.531.122.961</b>		
Xí Nghiệp CTGT 1	9.786.073.121	9.867.529.689		
Xí Nghiệp CTGT 2	32.347.817.819	20.670.523.608		
Xí Nghiệp CTGT 3	9.309.943.020	7.092.671.000		
Xí Nghiệp CTGT 4	12.444.247.962	11.183.508.619		
Xí Nghiệp CTGT 5	19.355.276.668	11.044.542.721		
Xí Nghiệp CTGT 6	8.475.205.749	10.931.799.563		
Xí Nghiệp CTGT 7	16.297.102.136	5.740.547.761		
<b>10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Cuối năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.243.454.533	8.035.075.940	3.563.795.002	11.714.735.471
Máy móc thiết bị	3.597.491.140	400.280.455	-	3.997.771.595
PTVTài, truyền dẫn	96.089.587.802	4.301.268.782	1.417.450.000	98.973.406.584
Dụng cụ quản lý	1.216.218.174	490.714.364	-	1.706.932.538
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.146.751.649</b>	<b>13.227.339.541</b>	<b>4.981.245.002</b>	<b>116.392.846.188</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.192.547.549	1.150.512.094	1.765.635.504	1.577.424.139
Máy móc thiết bị	2.448.172.738	481.767.801	-	2.929.940.539
PTVTài, truyền dẫn	34.776.618.218	6.586.065.516	1.417.450.000	39.945.233.734
Dụng cụ quản lý	946.559.014	173.079.242	-	1.119.638.256
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.363.897.519</b>	<b>8.391.424.653</b>	<b>3.183.085.504</b>	<b>45.572.236.668</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Giá trị còn lại		
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.050.906.984	10.137.311.332
Máy móc thiết bị	1.149.318.402	1.067.831.056
PTVTài, truyền dẫn	61.312.969.584	59.028.172.850
Dụng cụ quản lý	269.659.160	587.294.282
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.782.854.130</b>	<b>70.820.609.520</b>

**11. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Phần mềm máy tính	37.600.000	40.000.000	37.600.000	40.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.600.000</b>	<b>40.000.000</b>	<b>37.600.000</b>	<b>40.000.000</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Phần mềm máy tính	37.600.000	-	37.600.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.600.000</b>	<b>-</b>	<b>37.600.000</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Phần mềm máy tính	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.000.000</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Nhà làm việc 451/14 Tô Hiến Thành, Q10	462.320.000	244.138.182
<b>Tổng cộng</b>	<b>462.320.000</b>	<b>244.138.182</b>

**13. Phải trả người bán**

	Cuối năm	Đầu năm
- Bộ phận kho (*)	1.702.133.699	1.598.118.868
- Bộ phận phà đò (**)	6.406.577.030	5.792.028.058
- Bộ phận đầu tư (***)	4.797.436.090	9.812.915.183
- Bộ phận văn phòng	67.826.105	6.646.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.973.972.924</b>	<b>17.209.708.109</b>

(\*) - Bộ phận kho chi tiết bao gồm:

	1.702.133.699	1.598.118.868
Công ty Hoàng Hảo	50.066.902	135.051.983
Cty TNHH CT Giao Thông Sài Gòn	593.822.310	1.206.962.240
Cty CP Nhựa Sài Gòn	-	31.196.000
Cty TNHH SX TM Phi Đạt	226.847.425	42.872.260
Công ty CP Sơn Á Đông	396.211.623	-
Các khách hàng khác	435.185.439	182.036.385

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

(**) - Bộ phận phù do chi tiết bao gồm:	6.406.577.050	5.792.028.058
XN Cơ Khí GT 4	-	1.218.015.000
Công ty CP CKXD Giao Thông	-	357.504.000
TT Quản lý Phà và Bến xe Bến Tre	279.530.093	1.397.648.093
Công ty CP VT Xăng Dầu Comeco	1.161.420.000	2.165.900.000
Công ty CP CK Giao Thông Quận 4	1.316.475.000	-
CN Sao Mai-Cry TNHH MTV Đóng Tàu 76	2.648.270.000	-
Các khách hàng khác	1.000.881.937	652.960.965
(***) - Bộ phận đầu tư	4.797.436.090	9.812.915.183
Công ty CP CKXD Giao Thông	1.005.280.000	-
Công ty QLSC Cầu Đường 72	485.965.123	954.534.308
Dự án Cầu Kênh C	517.399.525	1.208.222.920
Dự án Cầu Cái Trung	164.223.000	1.320.410.000
Dự án Cầu Chợ Cầu	204.412.265	-
Dự án nâng cấp bến phà Thủ Thiêm	-	2.568.623.000
Ban Bồi Thường GPMB H. Cần Giờ	-	841.964.610
Cầu Hà Thanh	4.432.000	274.000.000
Các khách hàng khác	2.415.724.177	2.645.160.345
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
14. Người mua trả tiền trước	75.863.614.812	62.537.118.020
- Bộ phận công trình B (*)	264.959.666	448.882.466
- Bộ phận đầu tư (**)	<b>76.128.574.478</b>	<b>62.986.000.486</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.863.614.812</b>	<b>62.537.118.020</b>
(*) - Bộ phận công trình B chi tiết bao gồm:	4.424.200.000	5.278.200.000
Công ty Điện Thoại Tây TP	8.381.118.158	13.350.328.423
Công ty Điện Thoại Đông TP	2.000.000.000	-
Công ty cổ phần Thăng Long 17	1.488.300.000	1.158.120.000
Ban DLDA Quận 8	3.804.006.000	5.998.318.000
Khu Đường Sông	4.717.822.423	1.151.144.423
UBND Phường 7 Quận 3	1.500.000.000	-
Công ty XL Điện 2	17.604.050.000	14.214.305.000
Khu quản lý GTĐT 2	13.247.643.000	1.420.045.000
Khu quản lý GTĐT 3	12.802.941.600	14.224.676.790
Khu quản lý GTĐT 4	1.519.771.785	1.085.861.065
Công ty DV Bưu Chính VT Sài Gòn (SPT)	1.344.937.629	2.311.997.629
Công ty CP Địa Ốc 10	3.028.824.217	2.344.121.690
Các khách hàng khác	264.959.666	448.882.466
(**) - Bộ phận đầu tư	194.213.666	104.213.666
Ban quản lý DA Đầu Tư XD (QLGT Đô Thị Số 1)	70.746.000	215.746.000
Khu 1	-	128.922.800
Khu 4	-	-
Các khách hàng khác	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

15. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	6.678.191.266	4.721.934.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.109.243.073	861.057.729
Thuế thu nhập cá nhân	-	88.688.373
Các loại thuế khác	99.174.396	301.006.641
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.886.608.735</b>	<b>5.972.687.400</b>

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

16. Phải trả cho công nhân viên	Cuối năm	Đầu năm
Bộ phận duy tu cầu	45.650.734.990	23.806.975.934
Bộ phận Phà	3.023.719.217	2.433.338.402
Bộ phận CT kinh doanh	1.536.529.494	1.159.099.522
Bộ phận TV giám sát	657.232.590	397.489.475
Bộ phận khác	737.426.319	5.415.598
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.605.642.610</b>	<b>27.802.318.931</b>

17. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Số đầu năm	-	50.000.000
- Chi phí công trình chợ Bình Chánh	-	40.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>90.000.000</b>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	139.157.246	109.754.743
- Thuế TNCN nhân viên	-	511.909.420
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	48.393.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	40.784.929.684	30.639.159.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.972.479.930</b>	<b>31.260.823.920</b>

(*) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác	40.784.929.684	30.639.159.757
- Thuế VAT đầu vào của công trình B	19.116.332.454	17.720.986.844

Là các khoản thuế VAT phải trả khi quyết toán nội bộ giữa các Xi nghiệp trực thuộc Công ty.

- Bộ phận duy tu	9.092.014.461	7.834.683.886
Xi nghiệp CTGT 1	2.146.126.341	-
Xi nghiệp CTGT 2	1.675.899.377	-
Xi nghiệp CTGT 3	1.292.629.322	-
Xi nghiệp CTGT 4	1.304.975.778	-
Xi nghiệp CTGT 5	646.422.875	-
Xi nghiệp CTGT 6	652.051.656	-
Xi nghiệp CTGT 7	1.373.909.112	-
- Bộ phận công trình B	11.594.748.186	4.990.937.579
Xi nghiệp CTGT 1	1.221.945.294	246.558.303

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Xí nghiệp C1C1 2	653.462.691	675.405.179
Xí nghiệp CTGT 3	349.123.718	163.704.688
Xí nghiệp CTGT 4	930.734.236	465.824.984
Xí nghiệp CTGT 5	1.948.249.713	863.575.753
Xí nghiệp CTGT 6	5.669.189.738	2.368.566.642
Xí nghiệp CTGT 7	822.042.790	207.303.630
- Các khoản phải trả khác	981.834.583	92.551.448
<b>19. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.441.759.589	21.647.442.089
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.441.759.589</b>	<b>21.647.442.089</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay dài hạn	-	930.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>930.000.000</b>
<b>21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	682.976.692
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>682.976.692</b>

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	43.570.000.000			
Tăng vốn trong năm trước	40.987.048.915			
Lỗ trong năm trước				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>84.557.048.915</b>	<b>1.143.839.124</b>	<b>-</b>	<b>8.952.572.811</b>
Tăng vốn năm nay	3.521.635.964			
Giảm vốn năm nay	1.798.159.498			
Lãi trong năm		19.610.852.457		
Giảm khác		1.143.000.000		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>86.280.525.381</b>	<b>19.611.691.581</b>		<b>8.952.572.811</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của nhà nước	86.280.525.381	100%	84.557.048.915	100%
Vốn góp của các đối tượng khác	-	0%	-	0%

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU HÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

23. Nguồn kinh phí	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm	9.612.643.802	12.052.181.741
Tăng trong năm	112.208.320.549	130.541.879.003
Giảm trong năm	126.077.404.470	132.981.416.942
- Số dư cuối năm	<b>(4.256.440.119)</b>	<b>9.612.643.802</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	Năm nay	Năm trước
24. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	337.135.774.372	243.960.542.963
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	337.135.774.372	243.960.542.963
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	337.135.774.372	243.960.542.963
25. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá	282.668.105.062	202.678.716.930
Tổng cộng	<b>282.668.105.062</b>	<b>202.678.716.930</b>
26. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.080.899.330	7.409.820.965
Tổng cộng	<b>8.080.899.330</b>	<b>7.409.820.965</b>
27. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	65.978.334	281.720.000
Tổng cộng	<b>65.978.334</b>	<b>281.720.000</b>
28. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	28.599.761.967	17.629.678.984
Chi phí vật liệu quản lý	1.917.289.697	387.322.922
Chi phí đồ dùng văn phòng	977.730.374	112.893.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.706.086.997	1.386.760.299
Thuế, phí và lệ phí	394.014.227	367.474.000
Chi phí dự phòng	441.822.323	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.426.854.194	270.604.221
Chi phí bằng tiền khác	983.915.507	6.550.312.043
Tổng cộng	<b>38.447.475.286</b>	<b>26.705.045.743</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

	Năm nay	Năm trước
<b>29. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	2.154.961.601	758.069.807
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.154.961.601</b>	<b>758.069.807</b>
<b>30. Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	42.273.345	261.420.756
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.273.345</b>	<b>261.420.756</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Sau ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2012 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm được kiểm tra bởi Chi cục Tài chính Doanh nghiệp-Sở Tài chính Tp.Hồ Chí Minh, các khoản thay đổi như sau:

	Số dư tại ngày 01/01/2012 theo Chi cục Tài chính DN	Số dư tại ngày 31/12/2011 đã kiểm toán	Chênh lệch
<b>Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán</b>			
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.008.401.938	-	1.008.401.938
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	108.146.751.649	105.356.451.208	2.790.300.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	(40.363.897.519)	(39.345.835.977)	(818.061.542)
- Thuế TNDN	861.057.729	754.718.280	106.339.449
- Phải trả công nhân viên	27.802.318.931	27.846.321.528	(44.002.597)
- Phải trả, phải nộp khác	31.151.069.177	31.196.089.177	(45.020.000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.647.442.089	6.661.409.133	14.986.032.956
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.557.048.915	81.912.743.274	2.644.305.641
- Quỹ dự phòng tài chính	8.952.572.811	7.287.458.038	1.665.114.773
- Lợi nhuận chưa phân phối	1.143.839.124	17.475.968.509	(16.332.129.385)
<b>Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
- Giá vốn hàng bán	202.678.716.930	203.687.118.868	(1.008.401.938)
- Chi phí QLDN	26.705.045.743	25.930.986.798	774.058.945
- Thu nhập khác	758.069.807	567.055.007	191.014.800



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

J. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)	22,96%	24,93%
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	77,04%	75,07%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	64,39%	61,79%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	35,61%	38,21%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,20	1,23
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,41	0,46
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	7,53%	8,81%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	5,65%	33,67%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	8,42%	8,14%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	6,31%	6,10%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	17,08%	17,59%

Ngày 16 tháng 03 năm 2013



**TRẦN THỊ KIM OANH**  
Người lập biểu

**LÊ NGÀ PHƯƠNG**  
Kế toán trưởng

**HỒ NGUYỄN ĐỨC CHÍNH**  
Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 0994/04 Quyển số: SCT/BS  
Ngày: 21/01/15  
Chức Tịch UBND P.5, Q.10



*Đỗ Kiên Cường*

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>			
1. Các khoản phải thu (Tổng số chưa trừ dự phòng)	42.817.031.289	34.738.454.766	(8.078.576.523)
- Dự phòng nợ khó đòi (*)	(244.842.465)	(40.342.465)	(204.500.000)
2. Hàng tồn kho (Tổng số chưa trừ dự phòng)	4.373.368.843	4.373.368.843	
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	0	0	0
<b>II. Tài sản dài hạn</b>			0
1. Các khoản phải thu dài hạn (Tổng số chưa trừ dự phòng)	0	0	0
- Dự phòng nợ khó đòi (*)			
2. Nguyên giá TSCĐ			0
- Số đầu kỳ	108.184.351.649	108.184.351.649	0
- Số tăng trong kỳ	13.267.823.541	13.472.323.541	204.500.000
- Số giảm trong kỳ	5.019.329.002	5.019.329.002	0
- Số cuối năm	116.432.846.188	116.637.346.188	204.500.000
3. Hao mòn TSCĐ			0
- Số đầu kỳ	40.401.497.519	40.401.497.519	0
- Số tăng trong kỳ	8.391.424.653	8.505.603.820	114.179.167
- Số giảm trong kỳ	3.220.685.504	3.220.685.504	0
- Số cuối năm	45.572.236.668	45.686.415.835	114.179.167
4. Chi phí XDCB dở dang	462.320.000	462.320.000	0
5. Bất động sản đầu tư	0	0	0
- Nguyên giá			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
6. Các khoản đầu tư TC dài hạn (Tổng số chưa trừ dự phòng)	0	0	0
- Đã dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)			
<b>I. Nợ phải trả</b>	200.009.038.266	213.022.200.171	13.013.161.905
1. Nợ ngắn hạn	200.009.038.266	213.022.200.171	13.013.161.905

12/12/2012

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
<b>B. NGUỒN VỐN (I + II)</b>			
Trong đó:			
1.1. Vay và nợ ngắn hạn:	0	0	0
<i>Trong đó: Vay nước ngoài:</i>			
1.2. Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn			0
1.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
- Số đầu năm	21.397.442.089	21.397.442.089	
- Số tăng trong năm		19.315.413.755	19.315.413.755
- Số giảm trong năm	11.205.682.500	11.205.682.500	
- Số cuối năm	10.191.759.589	29.507.173.344	19.315.413.755
1.4. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành			
- Số đầu năm	250.000.000	250.000.000	
- Số tăng trong năm		250.000.000	250.000.000
- Số giảm trong năm	0	0	
- Số cuối năm	250.000.000	500.000.000	250.000.000
<b>2. Nợ dài hạn</b>	0	0	0
Trong đó:			0
1.1. Vay và nợ dài hạn:			0
<i>Trong đó: Vay nước ngoài:</i>	0	0	0
1.2. Dự phòng nợ phải trả dài hạn			0
1.3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0	0
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>			
<b>1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			
- Số đầu năm	84.557.048.915	84.557.048.915	0
- Số tăng trong năm	1.723.476.466	1.723.476.466	0
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm	86.280.525.381	86.280.525.381	0
<b>2. Vốn khác</b>	0	0	0
- Số đầu năm	0	0	0
- Số tăng trong năm			
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm	0	0	0